

CÁI TÔI TRỮ TÌNH TRONG THƠ TỔNG BIỆT VIỆT NAM NỬA ĐẦU THẾ KỶ XIX NHÌN TỪ LOẠI HÌNH NHÀ NHO HÀNH ĐẠO

Phạm Văn Bình

Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế

Email: pvbinh.thpt.lhp@phuyen.edu.vn

Ngày nhận bài: 30/11/2022; ngày hoàn thành phản biện: 19/12/2022; ngày duyệt đăng: 20/12/2022

TÓM TẮT

Ở Việt Nam, nửa đầu thế kỷ XIX có những biến chuyển mạnh mẽ trên nhiều lĩnh vực. Do vậy, thơ tổng biệt giai đoạn này cũng có những biểu hiện khá nổi bật, nhất là ở phương diện cái tôi trữ tình. Tiếp cận từ loại hình nhà Nho hành đạo, chúng ta nhận thấy những biểu hiện đặc sắc, giàu tính nhân văn của hình tượng cái tôi trữ tình trong thơ tổng biệt. Đó là: cái tôi lạc quan, tin tưởng minh quân, lương thần và cái tôi ưu tư, phiến muộn về hiện thực đất nước.... Cái tôi trữ tình này đã có những đóng góp quan trọng cho tiến trình thơ trung đại Việt Nam.

Từ khóa: Cái tôi, thơ tổng biệt, trữ tình.

1. Thơ tổng biệt được hiểu là thơ của người ở lại, viết để tiễn biệt một người khác khi có sự dịch chuyển về không gian sống. Trong cách hiểu về khái niệm thơ tổng biệt cần khẳng định chủ thể trữ tình của các bài thơ này phải là người tiễn/người ở lại. Ở Việt Nam, các nhà nghiên cứu cũng đã bước đầu dành sự quan tâm tới mảng thơ tổng biệt nói chung, thơ tổng biệt trung đại nói riêng. Tuy nhiên, để đánh giá được vị trí và vai trò của thơ tổng biệt, chúng ta không thể không nói đến những tiền đề xã hội, lịch sử và văn hoá góp phần hình thành nên dòng thơ đặc sắc này.

Theo giới nghiên cứu văn học trung đại Việt Nam, việc phân chia, xác định các tác giả theo các loại hình nhà Nho chỉ mang tính tương đối. Bởi sự xuyên thấm, tương tác qua lại trong hệ tư tưởng, phương thức ứng xử của các tác gia văn học trung đại Việt Nam trong thực tế sáng tác là vô cùng phức tạp. Chính sự phức tạp ấy đã làm nên những đặc trưng khác biệt giữa tác giả nhà Nho của Việt Nam với các quốc gia đồng văn khác trong khu vực văn hoá chữ Hán. Từ góc nhìn và phương thức ứng xử, có thể chia nhà Nho Việt Nam nửa đầu thế kỷ XIX thành hai loại hình quan trọng là nhà Nho hành đạo và nhà Nho tài tử.

Lịch sử Việt Nam nửa đầu thế kỷ XIX có những biến chuyển quan trọng, là bản lề cho nhiều cuộc đổi thay và chuyển động văn hoá mạnh mẽ ở chặng đường kế tiếp. Do vậy, thơ tổng biệt giai đoạn này có những biểu hiện khá nổi bật, nhất là từ hướng tiếp cận loại hình nhà Nho hành đạo. Tiếp cận từ loại hình nhà Nho hành đạo, chúng ta có thể nhận thấy những biểu hiện đặc sắc và giàu giá trị nhân văn của hình tượng cái tôi trữ tình mà dòng thơ này đã đóng góp cho tiến trình thơ trung đại Việt Nam.

2. Cái tôi trữ tình là tâm trạng, cảm xúc, là thế giới nội tâm của riêng nhà thơ trước hiện thực khách quan. Qua đó, hiểu theo nghĩa rộng, có thể thấy được những suy nghĩ, thái độ, tư tưởng của nhà thơ trước cuộc đời. Theo nghĩa hẹp, cái tôi trữ tình của nhà thơ lại được hiểu như một loại trữ tình đặc biệt, khi tác giả trực tiếp miêu tả, biểu hiện yếu tố tâm trạng, tiểu sử của chính mình. Sự thể hiện cái tôi trữ tình tuy không được xem như một yếu tố phổ quát của thơ trữ tình và nhân vật trữ tình nói chung, nhưng nó là một trong những phương diện quan trọng dùng để cắt nghĩa thế giới nghệ thuật của mỗi nhà thơ, giai đoạn thơ hay dòng thơ trong tiến trình phát triển của lịch sử văn học.

Cái tôi trữ tình trong văn học trung đại Việt Nam được thể hiện khá đa dạng và có tính quy phạm. Từ góc nhìn về một loại hình tác gia văn học trung đại – nhà Nho hành đạo, chúng ta nhận thấy có những biểu hiện sinh động của cái tôi trữ tình trong thơ trung đại nói chung và dòng thơ tổng biệt Việt Nam nửa đầu thế kỷ XIX nói riêng. Về phương diện lý thuyết, loại hình tác gia nhà Nho hành đạo, trong *Văn học trung đại Việt Nam nhìn từ hai loại hình tác gia: nhà Nho hành đạo và nhà Nho ẩn dật* (2020), tác giả Lê Văn Tấn cho rằng: “Loại hình tác gia nhà Nho hành đạo là những tác gia chịu ảnh hưởng hệ tư tưởng Nho giáo trong việc lựa chọn con đường hành đạo – nhập thế. Họ lựa chọn và kiên định con đường khoa cử với khát vọng kinh bang tế thế, mang tài năng và tâm huyết cống hiến, phục vụ triều đại, đất nước. Trong thời bình hay thời loạn thì bản thân họ hầu như không hề nao núng về lý tưởng tu thân, lập chí của mình, dù ở mỗi cá nhân cách thể hiện có khác nhau. Hình thành vào khoảng cuối thế kỷ XIII, đội ngũ tác gia nhà Nho hành đạo nhanh chóng đóng vai trò quan trọng đối với nền văn học từ đó cho đến hết thế kỷ XIX” [2, tr.12].

Xét riêng trong tiến trình văn học trung đại Việt Nam nửa đầu thế kỷ XIX, chúng ta có thể kể đến những tên tuổi tiêu biểu cho loại hình nhà Nho hành đạo, như: Nguyễn Du, Nguyễn Đăng Đạo, Phan Huy Ích, Lê Quang Định, Trịnh Hoài Đức, Nguyễn Hành, Trương Đăng Quế, Nguyễn Văn Lý, Lý Văn Phúc, Cao Bá Quát,... Trong ý thức của các nhà Nho hành đạo, dù xuất thân từ gia thế như thế nào, hay tồn tại trong những tình thế khác nhau của xã hội nông thôn – cung đình cổ hữu, thì suốt đời họ vẫn lấy mục đích tu thân, lập chí, học hành khoa cử để có cơ hội hành đạo với khát vọng *trí quân trạch dân, tiên ưu hậu lạc*. Thông qua con đường khoa cử hoặc tiến cử, mà nhiều người trong số họ đã giữ những vị trí quan trọng trong bộ máy của chính thể

đương thời. Cùng với ý thức tích cực ấy là bối cảnh lịch sử thời Nguyễn sơ đã vận động theo xu hướng tích cực, các vua đầu triều Nguyễn đã nỗ lực xây dựng một xã hội theo mô hình Tống Nho. Bối cảnh kinh tế, chính trị, văn hoá và xã hội đang vận hành trong một tâm thế hồ hởi sau những năm tháng phân tranh nhằm kiến tạo một đất nước thịnh vượng thông qua những quyết sách cứng rắn của vua Minh Mệnh. Những điều nói trên đã góp phần hình thành một *cái tôi lạc quan, tin tưởng minh quân, lương thần* của các nhà Nho nửa đầu thế kỷ XIX. Họ đã thể hiện điều ấy một cách rất đậm nét trong các sáng tác của mình, trên hết là những tác phẩm theo chủ đề tống biệt.

Trong thơ tống biệt Việt Nam nửa đầu thế kỷ XIX, *cái tôi lạc quan, tin tưởng minh quân, lương thần* được thể hiện qua sự trung thành tuyệt đối với đấng quân vương bằng thái độ ngời ca, lòng biết ơn và ý thức phục tùng. Khoảng hơn 100 bài thơ tống biệt được khảo sát có nhắc tới vua với những cách gọi tôn kính, như: *thánh minh, thánh đức, thiên tử, minh quân...* Tiễn người đi nhậm chức, nhân vật trữ tình tỏ bày thái độ ca ngợi sự sáng suốt, mưu lược của người đứng đầu đất nước trong việc tuyển lựa, phân bổ người tài để chống lại ngoại xâm từ nhà Hán: "*Hán gia bách quận như kỳ cục,/ Để vị lương dân tuyển sô mục./ Thiên tào lân xuất hiền thân thân,/ Thiên lý lai tuyên oản phù trúc.*" (Trăm trận nhà Hán như cuộc cờ,/ Vua vì dân lành chọn người ra (cai quản) chặn dất./ Thiên tào lựa ra bề tôi giỏi lại thân cận,/ Nghìn dặm đến truyền liên lạc theo tín hiệu.) (Tống Tôn Thất thúc lệ xuất thủ Nghĩa Hưng – Cao Bá Quát). Tiễn thuyền quan viên nước bạn bị nạn, dạt vào bờ biển nước ta, đang tìm đường mong sớm trở về quê cũ, Lý Văn Phúc gián tiếp thể hiện thái độ ca ngợi ân cao đức rộng của nhà vua: "*Quân tử hữu cùng ung đại thụ,/ Hoàng ân nhất thị thần Nho lưu.*" (Người quân tử khi khốn khó nhận được lớn,/ Ân vua ban khắp, hưởng hồ đối với người thuộc dòng Nho.) (*Chu hành tống nạn viên Trần Khải*).

Tiếng thơ ngời ca nhà vua còn thể hiện qua việc nhân vật trữ tình xây dựng, khắc họa những hình ảnh đẹp về đấng quân vương. Thơ Nguyễn Văn Lý miêu tả hình ảnh nhà vua giản dị, gần gũi thông qua hành động đích thân đẩy xe tiễn người tài:

Thục Xuyên hựu thủ phó Quai Nhai,

Thôi cốc quân vương đặc trọng tài.

(Lần này lại đem đất Thục hiềm yếu giao phó cho Quai Nhai,

Quân vương thân đẩy xe tiễn, tỏ lòng trọng người tài.)

(*Chế đài Đặng Tường Công điều cải Định An tổng đốc bá tiên*)

Có thể thấy, nhà vua – người đứng đầu vương triều đất nước, luôn được dành những lời ngời ca tốt đẹp với thái độ sùng kính, trân trọng. Điều này cũng thể hiện sự kỳ vọng rất lớn của nhân vật trữ tình vào điều kiện lý tưởng để người đi có thể khẳng định được bản thân.

Từ góc nhìn loại hình nhà Nho hành đạo, các tác giả sáng tác theo chủ đề tống biệt ở giai đoạn này có thể quy thành hai nhóm như sau: nhóm một, bao gồm những nhà Nho có tư tưởng trung thành với tiền triều nhưng lại có cảm tình với các vua đầu triều Nguyễn, tiêu biểu như Phan Huy Ích, Nguyễn Hành; nhóm hai, bao gồm những nhà Nho hanh thông trên quan lộ với triều Nguyễn, tiêu biểu là Trương Đăng Quế.

Nguyễn Hành là một điển hình cho tinh thần lạc quan của một nhà Nho hành đạo luôn ôm ấp hoài bão và ý chí của mình bất chấp thế cuộc đổi thay. Là người đã trải qua bao cuộc “suy loạn”, “dân đen ly tán oán hận” và xuất thân từ hào môn vọng tộc của tiền triều Lê – Trịnh, Nguyễn Hành luôn có ý thức theo quan điểm chính thống sâu sắc và nhất quán. Ông tuyên bố: “*Trung hiếu chi gia ninh sự nhị*” (Dòng nhà trung hiếu không thể thờ hai vua). Trước sau ông cũng chỉ thờ mỗi nhà Lê, mặc dù dưới triều đại nhà Lê, Nguyễn Hành chỉ là một thiếu niên chưa đến tuổi trưởng thành. Song, ở những thập niên đầu của thế kỷ XIX, trước sự đổi thay và phát triển khá mạnh mẽ của đất nước, nhất là thời kỳ vua Minh Mệnh, ông đã tỏ rõ niềm lạc quan của cá nhân mình trước thời đại. Trong *Minh quyển thi tập* (Tiếng kêu của chim quyên), ở bài *Tiến Văn Canh Phạm Gia Lâm cống sĩ phó Phú Xuân kinh hội thí* (Tiến ông cống sĩ Phạm Gia Lâm ở làng Văn Canh đến kinh đô Phú Xuân dự kì thi Hội), Nguyễn Hành đã bày tỏ niềm vui hồ hởi trước hiện tình của đất nước và hăng hái lên kinh ứng thí để thi triển tài năng, ngỗ hầu giúp vua, giúp nước: “*Hân hân phụng ngữ lai ứng cử, / Hành hỹ, thỉnh quân thỉnh ngã ngữ. / Ngô nhân khoa đệ khởi đô vinh, / Hành đạo tế thì tu tự hứa.*” (Mừng rỡ kính nói: đến Kinh đô ứng thi, / Khi đi, xin ông nghe lời nói của tôi. / Người nước ta dùng khoa cử để mà vinh hiển đường học vấn, / Nên việc thực hiện đạo lý cứu đời thì nên tự giữ gìn, vun bồi). Tâm tình và niềm hân hoan lạc quan ấy còn được Nguyễn Hành trải nghiệm qua một số bài thơ thuộc chủ đề tống biệt trong *Minh quyển thi tập*, như: *Nghĩ tiễn mỗ quan phụng Bắc sứ* (tam thù), *Phụng tiễn cứu thị Như Hành công Bắc sứ*, *Tiến Đồng Xuân phường mỗ nhân tòng vãng Bắc sứ*,...

Trong những bài thơ tống biệt giai đoạn nửa đầu thế kỷ XIX, qua khảo sát, chúng tôi nhận thấy có nhiều tác giả cũng bày tỏ sự lạc quan và mong mỏi được trở thành bậc lương thần, góp công cùng xã tắc. Trương Đăng Quế, Cao Bá Quát, Nguyễn Văn Siêu,... là những tác giả như vậy. Với tư cách là những nhà Nho hành đạo, hầu hết các thi nhân trong nhóm *Mặc Văn thi xã* đều viết về chủ đề tống biệt. Cao Bá Quát có bài *Tống Nguyễn Trúc Khê xuất lộ Thương Tín*, *Kiểm trí Lê Hy Vĩnh Lão Khê*. Tùng Thiện Vương Miên Thẩm có những bài, như: *Tống khách vãng Hà Nội*, *Tống Lương Tứ chi Quảng Nam*, *Tống Hình bộ Thị lang Phạm Bạch Hiên sung Tân tương Gia Định quân vụ*, *Tống khách chi Quảng Ngãi kiêm lý Phạm Kế Chi*, *Nguyệt dạ chiêu tử Mẫn Tập Hương giang châu thứ tống Hy Phân nam hoàn thiên táng tiên mộ* (nhị thù), *Hạn đồng dụng qui tự lại tự*, *Tống Nguyễn Lê Quang qui Hà Nội*, *Tống ca giả qui Hà Nội*,...

Hoặc giả, Trương Đăng Quế là bậc cố mệnh lương thần, nguyên lão tam triều, rất được vua Thiệu Trị và vua Tự Đức trọng vọng. Ông là người đa cảm, ấp ủ nhiều tâm sự. Với tư cách là một nhà Nho hành đạo, Trương Quảng Khê tiên sinh luôn bày tỏ ý chí, lập trường của cá nhân mình trước những vấn đề của đất nước và nguyện làm một bề tôi trung thành của triều đình. Nhà nghiên cứu Trương Quang Cảm trong sách *Thái sư, Tuy Thanh quận công Trương Đăng Quế (1793 – 1865) – Đời người, đời thơ* (2010) cho biết: “*Thơ Trương Đăng Quế có những thi phẩm theo đề tài tống biệt. Cùng với thơ Tùng Thiện Vương, Tuy Lý Vương, thơ ông có nhiều bài thuộc đề tài tống tiễn. Trong 244 bài thơ ở Học văn dư hạ tập của Trương Đăng Quế, thơ với đề tài tống tiễn có đến 27 bài, chiếm tỷ lệ gần 11,0%*” [1, tr.29]. Là người trung thành với triều Nguyễn, Trương Đăng Quế luôn tin tưởng vào sự sáng suốt của các bậc minh quân đương thời, như: Minh Mệnh, Thiệu Trị và Tự Đức. Trong hành xử và chức trách nhiệm vụ, ông luôn tỏ rõ là một người có trách nhiệm, mẫn cán, xứng đáng là bậc lương thần rường cột quốc gia. Ở bài *Tự tiễn biệt* (Tự mình đưa tiễn), khi được nhà vua tin tưởng giao nhiệm vụ trừ tiểu phi quân, là quan văn nhưng ông phải thụ mệnh lên đường công cán việc quân của quan võ. Lòng luôn lo lắng cho xã tắc, cảm kích tấm lòng ân sủng và tin tưởng của nhà vua, nên trong lời từ biệt trước khi lên đường, Trương tiên sinh đã xúc cảm thốt lên: “*Tuế diểu phụng bắc hành,/ Sóc phong chiến hàn lật./ Tráng chí khinh trường đồ,/ Nhung can đại hoa bút./ Thư sinh vị tri binh,/ Tằng bị tư mã trật./...Tướng sĩ cổ dững tiến,/ Man phi tận bôn dật./ Tiểu bình công hạnh thành,/ Bài thị dụ đắc thất.*” (Cuối năm lệnh đi Bắc,/ Gió bắc thổi càng rét./ Chí trai nào sá gì,/ Buông bút khoác nhung y./ Thư sinh chưa trận mạc,/ Song từng quan nhà binh./...Tướng sĩ ta dững tiến,/ Giặc cỏ chạy trốn tất./ Cơ bản chuyện đã xong./ Công bố chuyện được mất).

Trương Quảng Khê tiên sinh tập là một tập thơ thể hiện sự tôn sùng lý tưởng trí quân, trạch dân của nhà Nho hành đạo họ Trương. Ngay ở chủ đề tống biệt, ông cũng thể hiện nổi bật điều ấy. Trong lời từ biệt viết *Tặng quan thượng thư bộ Công Bùi Đoàn về hưu*, ông tỏ rõ ý chí nguyện vọng của mình:

Thế đồ hội dĩ bão nan tân,/ Tam truât hà kiêm khuất phục thân.

Thao tủng nhất sanh năng dụng chuyêt,/ Lịch dương trấp tải thiện cư bản.

Thân tùy cựu bệnh giai qui lão,/ Hoạn đái hoàn danh liễu túc nhân.

Dục học vụ năng thâm khởi tiện,/ Hành tàng vị khả luận tư nhân.

(Đường đời từng gánh lăm gian nan,/ Phải chịu ba lần giáng chức quan.

Lên xuống cả đời, đành sống nhún,/ Nổi trôi suốt kiếp, chịu cư bản.

Mình mang bệnh nặng nên hưu trí./ Chức phận lo tròn nhẹ tấm thân.

Muốn bước theo ông chưa thể được,/ Ở, về đâu phải chuyện dễ bàn.)

Trong tâm trí của các nhà Nho hành đạo, ý thức hành động luôn thường trực, nó thể hiện ngay cả trong lời từ biệt. Chia tay, chào nhau trong giây phút tiễn biệt nhau để hưu trí nhưng vẫn luôn dặn dò nhau, noi gương nhau trong thế hành xử, công việc và trách nhiệm của một bậc lương thân. Thái độ trân trọng của tác giả đối với bạn bè đồng triều qua cung cách tiễn đưa, qua những lời ca tụng về phẩm chất, về tài năng không hoàn toàn là khuôn mẫu mà luôn có sự sáng tạo nhưng vẫn ít nhiều bị định chế trong tính chất thù tạc, xướng họa của thơ tống biệt. Nếu như sự trân trọng bạn bè đồng triều mang tính chất xã giao, nghi thức, thì chính những cung bậc cảm xúc tinh tế và xúc động, nỗi buồn, sầu, tiếc, tâm trạng thẫn thờ, nỗi nhớ biệt ly hay tâm thế cô đơn khi chia xa đã cho thấy một hình ảnh khác của cái tôi trữ tình của tác giả.

Như vậy, có thể nhận thấy sự thể hiện cái tôi trữ tình thông qua hình tượng *cái tôi lạc quan, tin tưởng minh quân, lương thân* trong thơ tống biệt Việt Nam giai đoạn nửa đầu thế kỷ XIX đã làm nổi bật được ý thức sâu sắc về trách nhiệm, phận vị của những kẻ sĩ hành động theo truyền thống hành đạo của Tống Nho, là sự tuyệt đối trung thành với bậc quân vương.

Đôi theo dòng thơ tống biệt Việt Nam nửa đầu thế kỷ XIX, chúng tôi nhận thấy, bên cạnh *cái tôi lạc quan, tin tưởng minh quân, lương thân*, thì *cái tôi ưu tư, phiền muộn về hiện thực đất nước* cũng được định hình và được thể hiện đậm nét trong những thi phẩm tống biệt. Trong bài *Biệt Nguyễn Đại Lang*, nhà thơ Nguyễn Du đã thốt lên những nỗi ưu tư trước hiện thực loạn ly, chưa thực sự ổn định của đất nước ở giai đoạn Nguyễn sơ diễn ra trong suốt 18 năm, từ năm 1802 đến năm 1820: “*Quân qui ngã diệc khứ,/ Các tại loạn ly trung./ Sinh tử giao tình tại,/ Tôn vong khổ tiết đồng./ Sài môn khai dạ nguyệt,/ Tàn lập tâu thu phong./ Thiên lý bất tương kiến,/ Phù vân mê thái không.*” (Anh về tôi cũng đi,/ Đều trong cảnh loạn ly./ Giữa cái sống, cái chết liền kề, tình bạn vẫn nguyên vẹn,/ Phục hồi cái đã mất, khí tiết chịu khổ ải, tôi và bác như nhau./ Cửa Sài đón trăng đêm,/ Nón rách đi trong gió thu./ Ngàn dặm không thấy nhau,/ Mây nổi bồng bênh lạc lối giữa khoảng không cao rộng). Theo lời thơ, trong cuộc chia ly này, cả hai người bạn đều thông cảm với nhau về nỗi niềm trước hoàn cảnh của đất nước và gia cảnh. Cả hai đều ở trong cảnh loạn ly “*Các tại loạn ly trung*”, và đều đang khốn khó “*sài môn*”, “*tàn lập*”, nhưng họ luôn giữ vững tình bạn nguyên vẹn “*giao tình tại*”. Có thể nói, trong ý thức của Nguyễn Du – một nhà Nho hành đạo, khi lẫn xả vào cuộc đời, mỗi cuộc chia ly, tiễn biệt đều là những cơ hội giúp ông giải bày tất cả những tâm sự, ký thác vào người ra đi cũng là sự “*thức tỉnh*” của chính bản thân mình trong hoàn cảnh đang có những xáo trộn của đất nước.

Qua khảo sát, chúng tôi nhận thấy nỗi ưu tư, phiền muộn về hiện thực đất nước cũng in đậm dấu ấn trong một số sáng tác của Cao Bá Quát. Nỗi ưu tư ấy có khi đã phát triển thành nỗi uất hận, căm phẫn bọn giặc phi đã xâm phạm biên cương. Chủ thể trữ tình của những bài thơ tống biệt trong giai đoạn này bộc lộ lòng căm thù giặc

thông qua cách gọi những kẻ quấy nhiễu biên cương, không chịu thần phục triều đình là bọn “cuồng lỗ” (giặc cuồng bạo), “thiên lang” (bầy lang sói nhà trời), “thảo lai” (giặc cỏ dại), “cuồng phu” (bọn điên cuồng), “quỷ ác” (ác quỷ)... Trong những vần thơ viết về biệt ly, các tác giả Phạm Văn Nghị, Vũ Phạm Khải thường phả vào đó giọng điệu khẳng định chí khí và quyết tâm của một con người có trách nhiệm với thời cuộc. Ở bài *Tiền Nghĩa Trai tiên sinh vãng Quảng Nam tiểu di tặc*, Vũ Phạm Khải hạ bút:

Cán tiêu bất nhân ưu quân phụ,

Quan kỹ hà kham loạn Hạ, Di.

(Ông đâu nỡ để vua cha phải lo lắng ngày đêm,

Là người đội mũ, đi giày, há chịu cho bọn mọi rợ làm loạn.)

Cảm thức về hiện tình đất nước trong dòng chảy lịch sử Việt Nam thế kỷ XIX là một câu chuyện vô cùng nhân bản của văn học thời kỳ này. Xét riêng trong dòng chảy của thơ tống biệt, những tác phẩm trực tiếp thể hiện nội dung cảm xúc này khá nhiều. Nếu ở giai đoạn nửa đầu thế kỷ XIX, chúng ta đã bắt gặp những nỗi niềm ưu uất đó trong thơ của Nguyễn Du, Phan Huy Ích, Trương Đăng Quế, Vũ Phạm Hàm, Phạm Văn Nghị... thì ở giai đoạn nửa cuối thế kỷ XIX, chúng ta cũng có thể nhận thấy trội bật lên hình ảnh của Ngư Phong – Nguyễn Quang Bích qua các bài *Tống quy nhân cảm tác* (Tiễn người về, cảm tác), *Tống quy nhân* (Tiễn người về), *Tiền Ninh Bình Nguyễn Tấn Tương hồi Nam* (Tiễn ông Tấn tương quân vụ họ Nguyễn ở Ninh Bình về Nam).

Những nhà Nho hành đạo luôn gắng sức vì sự phồn thịnh của đất nước trên các mặt trận, nhất là mặt trận ngoại giao. Trong bài *Tiền Như Thanh Chánh sứ Hoàng Văn Đản* (Tiễn ông Như Thanh Hoàng Văn Đản đi sứ nhà Thanh), Vũ Xuân Cẩn đã bày tỏ:

Nhị nguyệt mai quan động hiểu già,/ Yên Đài trượng tiết giá diêu xa.

Khuyết đình tế tế sâm vương hội,/ Nguyên tháp hoàng hoàng ứng sứ Hoa...

Ngã triều lập quốc trùng kim thủy,/ Văn vật y quán bản túc khoa.

(Hai tháng năm chờ chốn ải quan,/ Yên Đài nghi vệ mới thênh thang.

Sân châu rộn rịp vua quan tiễn,/ Cảnh vật nôn nao đón sứ thần...

Nước ta từ thuở riêng bờ cõi,/ Văn vật ý quan hoàn chỉnh dần.)

Ý chí quyết tâm khẳng định vai trò vị thế của một đất nước được thể hiện ở ý thức đặt quyền lợi, danh dự và văn hiến của nước nhà sánh vai cùng thiên triều và các quốc gia khác trong khu vực. Điều này được Tổng đốc Bình Định Vũ Xuân Cẩn đặc biệt quan tâm. Cho nên, khi đảm nhiệm chức vụ thay vua đưa tiễn các đoàn sứ bộ, ông đã liên tục dặn dò các quan viên không được làm nhục quốc thể, vương mệnh. Có thể nói, tuân vương mệnh là một hành động đẹp trong thơ của các nhà Nho hành đạo.

Trong bài *Phụng tống Phòng sư Nguyễn Thận Trai tiên sinh xuất trấn Quảng Nam*, Trương Đăng Quế đã viết: “Niệm tại tề dân phương cấp cấp,/ Tâm hoài nguy khuyết cố trì trì./ Hành trấn vọng nhập vân quan lộ,/ Cảm kích trường ngâm “Mộc hữu chi”.” (Nặng nỗi việc dân nên nóng ruột,/ Lưu luyến kinh khuyết hoá trừ trì./ Hải Vân, đèo lớn thiên nhiên đẹp,/ Cảm xúc ngâm bài: “Mộc hữu chi”).

Mộc hữu chi là bài thơ trong *Kinh Thi* nói về tính hoàn chỉnh của vạn vật. Cây có nhánh, người có thầy, quân có thần như cái lý ở đời; cây không có thân làm sao có nhánh, người không có thầy, không vua làm sao phương trưởng thành người trong cõi đời này. Vì thế, lúc phụng mệnh vua để tiễn biệt những người thuộc cấp, nhưng lại là quan chủ khảo của mình khi xưa đi trấn nhậm nơi xa, Trương Đăng Quế luôn dặn lòng, cả hai thầy trò cùng cố gắng hoàn thành sứ mệnh của mình một cách tốt nhất. Hoặc giả, ở bài *Tống Doãn Văn Xuân Tham hiệp Cao Lạng* (Tiễn ông Doãn Văn Xuân đi nhậm chức ở Cao Lạng), nhà Nho Cấn Trai – Lê Quang Định khẳng định nỗi lòng mình luôn canh cánh nhớ đến nhau, dốc sức cùng đèn on tri ngộ,... được thể hiện qua những dòng tâm sự thật xúc động và tràn đầy hào khí:

Bình sinh bất giải tác du từ,/ Nhã độ như quân tổ sở suy.

Giảng tịch bát chu tăng cộng sự,/ Dương quan tam điệp ám thương ly.

Dao khan bắc khứ đa tân thú,/ Tự thán nam lai thiếu cố tri...

(Bình sinh nào biết nịnh xu gì,/ Tư các như ông đáng phát huy.

Thái học tám năm cùng giảng dạy,/ Biên cương một cõi, chỉ ông đi.

Vòn trồng đất Bắc nhiều danh thắng,/ Than thở trời nam vắng cố tri...)

Nỗi ưu tư, lo lắng trách nhiệm cùng nhau của một nhà Nho hành đạo suốt đời cũng vì một chân lý chia sẻ nỗi lo của vua, lo trước cái lo của thiên hạ và tất cả cũng vì để thể hiện chức phận đáng bậc quân tử của một quốc gia văn hiến. Do đó, khi tiễn bạn về Nam cũng là lúc mình đối diện với chính mình để tiếp tục thi hành phận sự trước tình cảnh đất nước chưa thực sự yên ổn do nhiều thế lực vẫn chưa thực sự quy phục triều đình lúc bấy giờ. Chia sẻ điều ấy, Trương Đăng Quế cũng thốt lên: “*Đấu xảo tranh kỳ thuộc đẳng nhân,/ Phùng quân thanh nhãn biệt tương khan./ Thi tài tuyển vĩnh truy Ma Cật,/ Thế độ ôn hoà cận Tạ An./ Trùng khốn trách thành tam quận ký,/ Bao chương phi hạ ngũ vân đoan./ Luận giao cộng tế thặng bình hội,/ Bất thị tâm thường vãn tự quan.*” (Khoe tốt, tranh hay chuyện thế gian,/ Biết nhau tôi bác mắt đều xanh./ Ý thơ sâu lắng như Ma Cật,/ Phong độ ôn hoà giống Tạ An./ Tin tưởng vua giao ba tỉnh ấy,/ Điem làng trời báo ngũ vân đoan./ Cùng nhau góp sức xây cơ nghiệp,/ Chẳng phải loanh quanh thơ với văn.) (*Tặng Sơn Hưng Tuyên tống đốc Ngụy Thiện Phủ*).

Ngụy Thiện Phủ là bậc danh sĩ, lương thần thời vua Minh Mệnh và Thiệu Trị. Là người cùng sát cánh bên Trương Đăng Quế giải quyết nhiều trọng sự của triều đình

lúc bấy giờ. Khi biên cương xảy ra chiến sự, Thiệu Trị cử Thiện Phủ công đi trấn giữ mạn Hưng – Sơn – Tuyên, trong lúc chia tay, cả Trương Đăng Quế và Nguyễn Thiện Phủ đều trao gửi những tâm sự, chính kiến cho nhau, cùng nhau phò minh chúa. Các điển tích Thanh Nhã, Mạ Cật, Tạ An được tác giả sử dụng một cách uyển chuyển để thể hiện sự trọng thị, tin tưởng lẫn nhau cũng như mỗi người đều có những tài năng, phong thái đoan trang, trầm tĩnh, tư duy sâu sắc.

Trước yêu cầu của hoàn cảnh lịch sử mới, tinh thần yêu nước của nhân vật trữ tình gắn với các cuộc tổng tiến người đi nhậm chức ở các vùng biên, đi dẹp giặc, dẹp loạn. Trong mỗi lần đưa tiễn, người tiễn đã thể hiện niềm cảm hoài trước cảnh nước nhà chưa được thực sự thống nhất mà vẫn còn tiềm ẩn những nhiều nhượng của thời cuộc và ý chí quyết tâm tiêu diệt những kẻ có dã tâm muốn xâm lấn biên cương, lấn át triều đình để giữ vững sự bình yên, thống nhất của non sông. Tuy nhiên, việc xếp nội dung cảm xúc này của nhân vật trữ tình vào phương diện hành động của Nhà nho hành đạo cũng chỉ mang ý nghĩa tương đối, bởi tình cảm với đất nước là tình cảm mang tính phổ quát trong thơ trung đại Việt Nam. Vấn đề này được thể rõ trong chùm thơ tiễn biệt, dặn dò khi các sứ bộ lên đường đi sứ. Trong các tác phẩm được sáng tác trong và sau những chuyến đi sứ của mình, Bùi Dị – Chương quản Ngự sử đài thời Thiệu Trị, đã tự bộc bạch với chính bản thân mình trong cuộc tự tiễn đưa bản thân lên đường thực hiện nhiệm vụ ngoại giao. Trong bài *Tự biệt*, ông đã thốt lên lời cay đắng: “*Viễn hải kinh khan ngư mã cập, / Đồng minh thủy niệm phụ xa y.*” (Nơi bể về, giắt mình thấy loài trâu ngựa lần mò đến, / Bạn đồng minh, ai là người nghĩ tới việc dựa vào nhau như môi với răng).

Có thể nói, từ góc nhìn của loại hình nhà Nho hành đạo, sự thể hiện của cái tôi trữ tình được toát lên qua những nỗi ưu tư chân chính của những con người luôn có trách nhiệm với thời cuộc, với đất nước và đấng quân vương mà họ đang phụng sự. Bức tranh xã hội Việt Nam nửa đầu thế kỷ XIX tuy có tạm thời ổn định nhưng vẫn không thoát khỏi những tiềm ẩn, nguy cơ mất nước bởi những chính sách khá hạn hẹp và hủ Nho của chính quyền đương thời. Điều này đã ảnh hưởng đến những ứng xử nghệ thuật trong các bài thơ thuộc dòng thơ tổng biệt.

3. Tóm lại, văn học Việt Nam nửa đầu thế kỷ XIX vận động trong một bức tranh xã hội - lịch sử - văn hoá vô cùng phức tạp. Nó vừa có sự tiếp nối giai đoạn trước, lại vừa có những nét đặc sắc riêng biệt của chính mình. Đây là một giai đoạn có tính bản lề, chuyển tiếp quan trọng trong tiến trình văn học nước nhà. Do đó, thơ tổng biệt giai đoạn này vừa chịu ảnh hưởng, vừa bộc lộ những nét khu biệt so với giai đoạn trước, đồng thời tạo nên tiền đề có sự ảnh hưởng mạnh mẽ cho giai đoạn sau. Thơ tổng biệt nửa đầu thế kỷ XIX là một cầu nối, điểm sáng của văn học trung đại Việt Nam trong những chặng đường cuối. Thơ tổng biệt là một hành vi văn hóa thể hiện lối sống quần

tự, gắn bó, quan tâm sâu sắc lẫn nhau trong đời sống tình cảm của người Việt. Hướng tiếp cận loại hình văn hoá của nhà Nho hành đạo là chìa khóa để chúng ta lý giải và thẩm bình nội dung cảm xúc cũng như giá trị nghệ thuật của dòng thơ tổng biệt.

Đánh giá sự thể hiện của cái tôi trữ tình trong thơ tổng biệt Việt Nam nửa đầu thế kỷ XIX nhìn từ loại hình nhà Nho hành đạo giúp chúng ta nhận diện rõ được vai trò của các tác giả trong môi trường văn hóa và hoàn cảnh lịch sử đất nước thời bấy giờ. Bên cạnh đó, tiêu chí phân loại, đánh giá này cũng cho ta góc nhìn sáng tỏ về sự vận động của cái tôi trữ tình song song với hiện thực lịch sử và sự phát triển của ý thức thẩm mỹ trong thơ văn giai đoạn này. Đó là một sự quá trình vừa hướng tâm nhưng cũng vừa ly tâm. Điều này đã góp phần kiến tạo nên những nét đặc sắc của dòng thơ tổng biệt Việt Nam nửa đầu thế kỷ XIX so với những giai đoạn trước đó, và mở đường cho chặng cuối của tiến trình văn học trung đại Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Trương Quang Cẩm (2010), *Thái sư, Tuy Thận quận công Trương Đăng Quế (1793 – 1865) – Đời người, đời thơ*, Nxb Văn học, Hà Nội.
- [2]. Lê Văn Tấn (2020), *Văn học trung đại Việt Nam nhìn từ hai loại hình tác gia: nhà Nho hành đạo và nhà Nho ẩn dật*, Nxb Đại học Quốc Gia Hà Nội.
- [3]. Cao Tự Thanh, Đoàn Lê Giang (1984), *Tác phẩm Nguyễn Thông*, Sở Văn hoá Thông tin Long An.

**LYRICAL SELF IN VIETNAMESE FAREWELL POETRY
IN THE FIRST HALF OF 19TH CENTURY
APPROACHING FROM THE TYPE OF PRACTISING CONFUCIANISTS**

Pham Van Binh

University of Sciences, Hue University

Email: pvbinh.thpt.lhp@phuyen.edu.vn

ABSTRACT

There were many dramatic changes in several fields in Vietnam during the half of 19th century. Therefore, the farewell poetry of this period showed its outstanding features, especially in terms of the lyrical self. Approaching from the type of practising Confucianists, it can find the unique and humane features of the lyrical self in farewell poems. They were: the optimistic self trusting in the brilliant king and his good courtiers, and the grieved and distressed self worrying about the country situation... This lyrical self made important contributions to the process of medieval Vietnamese poetry.

Keywords: Lyrical, farewell poetry.



Phạm Văn Bình sinh năm 1974 tại Phú Yên. Ông tốt nghiệp Cử nhân tại Trường Đại học Sư phạm Quy Nhơn vào năm 1997, và Thạc sĩ tại Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế vào năm 2022. Hiện nay, ông đang giảng dạy tại Trường THPT Lê Hồng Phong, huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên.

